TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H3 phúc**

Bản án số: **656**/2019/HS-ST
Ngày: 20/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNHTH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Bà Trần Thị Lan Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Binhf Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 646/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 665/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Thị B, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Xóm 2 Bắc, xã K, huyện Đ, thành phố H N; Nơi cư trú: xóm MT, xã QL, huyện QX, tỉnh TH;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phan Văn H, sinh năm 1941 và con bà Nguyễn Thị V (đã chết); Bị cáo có chồng là Đặng Quang H1, sinh năm 1988; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 24/9/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Bị hại:* Bà Đồng Thị H3, sinh năm 1965 - trú tại: Tổ Y, phường Đ, thành phố TH, tỉnh TH (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1952 – trú tại tổ X, phường T, thành phố TH (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976 – trú tại tổ Z, phường TL, thành phố TH (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/9/2019 Phan Thị B có thuê phòng 103 của nhà nghỉ Thiên Tân thuộc tổ Z, phường T L, thành phố TH do bà Đồng Thị H3 (sinh năm 1965 – trú tại tổ Y, phường Đ, thành phố TH) làm chủ để ở. Do hết tiền nên B nảy sinh ý định vào phòng ngủ của bà H3 mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 21 giờ ngày 23/9/2019, B đi đến trước cửa phòng 101 của bà H3, quan sát thấy cửa phòng mở, bên trong không có ai còn bà H3 đang ở quầy lễ tân, B lén lút vào phòng 101 đến tủ quần áo dùng tay phải mở cửa tủ ra thì quan sát thấy bên trong tủ có 01 túi xách giả da màu đỏ dạng túi có quai đeo. B dùng tay trái giữ túi xách, tay phải kéo khóa túi xách ra thấy bên trong có tiền, B dùng tay phải lấy hết số tiền trong túi ra, sau đó kéo khóa túi rồi đặt trở lại vị trí ban đầu bên trong tủ quần áo. B về phòng103 và mang số tiền lấy trộm được ra đếm thì thấy tổng số tiền là 2.950.000đ *(Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* gồm 05 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ. B cất giấu 2.500.000đ xuống dưới lót giầy bên trái của B, B tiêu hết 186.000đ, còn 264.000đ B cất giấu tại túi quần phía sau của B. Đến 07 giờ sáng ngày 24/9/2019 B dọn đồ và trả phòng thì bà H3 yêu cầu kiểm tra đồ đạc, hành lý của B. Quá trình kiểm tra, bà H3 phát hiện toàn bộ số tiền 2.764.000đ ở dưới lót giầy chân trái và trong túi quần của B. Bà Đồng Thị H3 làm đơn trình báo Công an phường TL, thành phố TH để giải quyết.

Vật chứng của vụ án:

+ Số tiền 2.950.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và 01 (một) chiếc túi xách có quai đeo màu đỏ, đã qua sử dụng. Đã thu hồi trả lại cho bà Đồng Thị H3 số tiền 2.764.000đ quản lý và sử dụng, số tiền 186.000đ không thu hồi được.

+ 01(một) chiếc giầy giả da bên chân trái, màu đen, đế giầy màu trắng.

Cáo trạng số 647/CT - VKSTPTN ngày 28 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH đã truy tố Phan Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Thị B về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thị B từ 6 đến 9 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc giày bằng chất liệu giả da bên chân trái, màu đen, đế giày màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đồng Thị H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường, không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại là bà Đồng Thị H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, vật chứng thu giữ, đơn trình báo, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 23/9/2019 tại nhà nghỉ Thiên Tân thuộc tổ Y, phường TL, thành phố TH, Phan Thị B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nhưng vì lòng tham, lười lao động và lợi dụng sự sơ hở của người khác, bị cáo trộm cắp của bà Đồng Thị H3 số tiền 2.950.000đ. Sau khi lén lút lấy được số tiền trên, B cất 2.500.000đ xuống lót giày bên trái của B, số tiền 264.000đ B cất tại túi quần phía sau B đang mặc và chi tiêu cá nhân số tiền 186.000đ. Hiện số tiền 2.764.000đ đã được trả lại cho bà Đồng Thị H3 quản lý, sử dụng. Bà H3 không yêu cầu bồi thường số tiền bị cáo đã sử dụng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo đang được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với người bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam theo Quyết định số 06211/QĐ – LĐTBXH ngày 10/9/2002 của UBND tỉnh TH là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Song cũng cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản. Do đó xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Đồng Thị H3 đã nhận lại số tiền 2.764.000đ và 01 (một) chiếc túi xách có quai đeo màu đỏ, đã qua sử dụng. Số tiền 186.000đ bị cáo tiêu sài cá nhân, bà H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01(một) chiếc giầy giả da bên chân trái, màu đen, đế giầy màu trắng không còn giá trị sử dụng cần tịch tiêu hủy.

Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 186.000đ là tiền thu lời bất chính của bị cáo

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố Phan Thị B phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị B 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thu lời bất chính 186.000đ của bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc giày bằng chất liệu giả da bên chân trái, màu đen, đế giày màu trắng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 86 ngày 29/11/2019 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc